

BỘ Y TẾ
VIỆN BỎNG LÊ HỮU TRÁC
DANH MỤC ĐƠN GIÁ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT ÁP DỤNG TẠI VIỆN BỎNG
(Áp dụng theo công văn số 3158/QĐ - BHYT Ngày 31 tháng 8 năm 2012)

Mã	Dịch vụ - Kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá
CÔNG KHÁM			
2B	Khám Bỏng mới	1 lần	20,000
2D	Khám sau bỏng	"	20,000
2T	Khám tổn thương khác	"	20,000
XÉT NGHIỆM			
S12	ALP	"	20,000
PRO	APTT	"	35,000
S06	Acid Uric	"	20,000
S28	Albumin	"	20,000
S37	Amylase	"	20,000
S233	Bilirubin GT	"	20,000
S231	Bilirubin TP	"	20,000
S232	Bilirubin TT	"	20,000
SCK	CK	"	35,000
S16	CPK - MB	"	35,000
SRP	CRP	"	30,000
S11	Ca ion hóa	"	25,000
S111	Ca ion hóa trong nước tiểu	"	12,000
S09	Ca++	"	18,000
S34	Cholesterol	"	22,000
S101	Cl	"	4,000
S50	Cortisol	"	150,000
S05	Creatinin	"	20,000
KM	Các xét nghiệm khí máu	"	100,000
FIB	Fibrinogen	"	90,000
S22	GGT	"	15,000
S17	GOT	"	20,000
S18	GPT	"	20,000
S29	Globulin	"	20,000
S01	Glucose	"	20,000
SAG	HBsAg	"	60,000
SCV	HCV	"	60,000
S35	HDL - C	"	22,000
SIV	HIV	"	60,000
S82	K+	"	4,000
H11	KST sốt rét	"	30,000
FV9_2	Kháng sinh đồ	"	160,000
S36	LDL - C	"	22,000
ML	Máu lắng	"	20,000
NCV	Nuôi cấy	"	200,000
NT	Nước tiểu thường quy 10 chỉ tiêu	"	30,000
S27	Protein TP	"	20,000
H131	Thời gian máu chảy	"	10,000
H132	Thời gian máu đông	"	12,000
S33	Triglycerid	"	22,000

TBNV	Tổng phân tích máu	"	30,000
S04	Urê	"	20,000
SRL	VDRL	"	60,000
DMT	XN máu đông, máu chảy	"	22,000
DGD	Điện Giải đồ	"	30,000
H168	Định nhóm Rh (Anti-D)	"	25,000
H167	Định nhóm máu ABO	"	32,000